

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT

ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-29
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 17 tháng 10 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch
Ông Vũ Huy Quang	Ủy viên
Ông Phạm Đức Nghĩa	Ủy viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Mã Ngọc Kỳ	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc	
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 14/04/2021
Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc	
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quang Đông	Thành viên
Ông Lữ Văn Thụ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Vũ Anh Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được lập ngày 12 tháng 08 năm 2021, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		366.854.084.008	432.778.700.185
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	64.211.284.911	49.727.074.029
111	1. Tiền		16.211.284.911	49.727.074.029
112	2. Các khoản tương đương tiền		48.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.170.000.000	5.170.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.170.000.000	5.170.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		283.613.529.296	364.119.100.826
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	259.325.638.376	361.095.128.076
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		64.000.000	349.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	24.223.890.920	2.674.972.750
140	IV. Hàng tồn kho	7	13.859.269.801	13.762.525.330
141	1. Hàng tồn kho		13.859.269.801	13.762.525.330
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		44.556.808.941	49.014.209.337
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		37.860.000	37.860.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		37.860.000	37.860.000
220	II. Tài sản cố định		15.171.565.738	18.836.934.177
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	15.110.861.206	18.751.999.947
222	- Nguyên giá		84.182.240.074	84.182.240.074
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(69.071.378.868)	(65.430.240.127)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	60.704.532	84.934.230
228	- Nguyên giá		2.288.155.290	2.288.155.290
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.227.450.758)	(2.203.221.060)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.040.000.000	5.040.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.040.000.000	5.040.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		24.307.383.203	25.099.415.160
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	24.307.383.203	25.099.415.160
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		411.410.892.949	481.792.909.522

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		234.249.095.378	290.409.687.899
310	I. Nợ ngắn hạn		234.249.095.378	290.409.687.899
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	178.292.986.028	184.104.275.358
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	5.748.294.251	51.463.568.523
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.623.768.141	8.808.397.310
314	4. Phải trả người lao động		21.654.421.889	36.737.170.546
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	812.955.000	1.043.336.851
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	21.589.160.993	6.636.954.951
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.527.509.076	1.615.984.360
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		177.161.797.571	191.383.221.623
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	177.161.797.571	191.383.221.623
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		20.686.994.576	20.686.994.576
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.474.802.995	20.696.227.047
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		72.552.331	957.550.373
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		6.402.250.664	19.738.676.674
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		411.410.892.949	481.792.909.522

gms

[Signature]



[Signature]

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	98.579.435.754	88.926.120.113
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		98.579.435.754	88.926.120.113
11	4. Giá vốn hàng bán	19	74.200.360.863	63.869.078.807
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.379.074.891	25.057.041.306
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	471.858.570	569.472.626
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	16.794.943.997	18.489.940.134
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.055.989.464	7.136.573.798
31	11. Thu nhập khác		-	400.000
32	12. Chi phí khác		21.220.507	84.533.826
40	13. Lợi nhuận khác		(21.220.507)	(84.133.826)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.034.768.957	7.052.439.972
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	1.632.518.293	1.431.393.761
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>6.402.250.664</u>	<u>5.621.046.211</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	341	300



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lậpLê Đình Thái
Kế toán trưởngVũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	
			2021	2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.034.768.957	7.052.439.972
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.665.368.439	4.963.891.807
03	- Các khoản dự phòng		-	(569.472.626)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(471.858.570)	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	20.715.996
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.228.278.826	11.467.575.149
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		80.409.287.173	8.329.872.219
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(96.744.471)	(6.370.249.441)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(71.413.219.206)	(2.291.549.933)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		792.031.957	1.378.385.345
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.788.789.824)	(1.883.454.415)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.212.150.000)	(2.991.230.996)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.918.694.455	7.639.347.928
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		568.142.927	569.472.626
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		568.142.927	569.472.626
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.626.500)	(9.653.744.364)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.626.500)	(9.653.744.364)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		14.484.210.882	(1.444.923.810)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		49.727.074.029	31.935.878.728
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	64.211.284.911	30.490.954.918



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 17 tháng 10 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 150.000.000.000 đồng; tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 470 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 473 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan.
- Kinh doanh vật tư máy móc;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Tư vấn, thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình);
- Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
- Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Đại lý kinh doanh viễn thông;
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cà Mau	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm Thí nghiệm điện	Đà Nẵng	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh điện

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 07 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 07 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 05 năm |

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng cho thuê.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí đào tạo tay nghề, chi phí nghỉ mát và một số chi phí phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.18 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là sửa chữa các nhà máy điện và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	901.019.405	493.909.736
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.310.265.506	49.233.164.293
Các khoản tương đương tiền	48.000.000.000	-
	<u><u>64.211.284.911</u></u>	<u><u>49.727.074.029</u></u>

Tại ngày 30/06/2021, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty bao gồm 419.963.882 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 293.267.123 đồng) gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương Việt Nam (Oceanbank) đang tạm ngừng giao dịch. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

Tại ngày 30/06/2021, các khoản tương đương tiền có giá trị 48.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,1%/năm đến 3,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	5.170.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.170.000.000	5.170.000.000
	5.170.000.000	5.170.000.000

Tại ngày 30/06/2021 và tại ngày 01/01/2021, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng có giá trị 5.170.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương với lãi suất 4,1%/năm. Khoản tiền này đang tạm ngừng giao dịch và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2021	01/01/2021
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	5.040.000.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	5.040.000.000	5.040.000.000
	5.040.000.000	5.040.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ/DVKT-HĐQT ngày 19 tháng 01 năm 2021 đã thông qua phương án thoái toàn bộ vốn tại PAIC với giá chuyển nhượng 10.503 đồng/cổ phần, tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty chưa chuyển nhượng số cổ phần tại PAIC.

Thông tin chi tiết đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích và biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	Hà Nội	11,90%	Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa, năng lượng sạch

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (*)	189.051.810.334	-	188.865.752.386	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	60.100.768.887	-	136.778.483.483	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	-	-	9.954.476.572	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	7.044.722.792	-	21.593.070.206	-
Phải thu khách hàng khác	3.128.336.363	-	3.903.345.429	-
	259.325.638.376	-	361.095.128.076	-
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	256.391.136.936	-	357.385.617.570	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)

(*) Khoản phải thu Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch với số dư tại thời điểm 30/06/2021 là 189,05 tỷ đồng trong đó 172,2 tỷ đồng tương đương với 6.651.961 EUR (tại ngày 01/01/2021: 172,2 tỷ đồng tương đương với 6.651.961 EUR) liên quan đến phụ lục số 38 ngày 07 tháng 06 năm 2017 của hợp đồng số 38/PVP - PVPS/2010/LTMA-NT1 ngày 04 tháng 08 năm 2010, về việc cung cấp vật tư MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1, theo đó chủ đầu tư và Công ty đang thực hiện các thủ tục bàn giao vật tư buy back liên quan đến hợp đồng nêu trên và khoản phải thu trên sẽ được quyết toán khi hai bên hoàn tất trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. (Xem thêm thông tin bổ sung tại Thuyết minh số 11- Phải trả người bán ngắn hạn)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	201.600.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	197.369.972	-	92.054.329	-
Phải thu về BHXH, BHTN	2.256.000	-	49.824.663	-
Tạm ứng	2.202.583.934	-	2.011.461.020	-
Ký cược, ký quỹ	147.447.875	-	147.447.875	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (*)	5.843.210.152	-	-	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (*)	11.741.204.654	-	-	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (*)	3.692.319.230	-	-	-
Phải thu khác	397.499.103	-	172.584.863	-
	24.223.890.920	-	2.674.972.750	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	21.276.734.036	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)

(*) Đây là các khoản tạm ghi nhận doanh thu đối với các hợp đồng bảo dưỡng nhà máy điện mà công ty đã hoàn thành việc cung cấp dịch vụ bảo dưỡng trong kỳ.

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	67.617.100	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.791.652.701	-	13.762.525.330	-
<i>Trong đó:</i>				
Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	3.947.716.532	-	4.594.736.911	-
Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh	31.363.700	-	321.298.258	-
Dự án nhiệt điện TB2	7.085.595.424	-	7.085.595.424	-
Các dự án khác	2.726.977.045	-	1.760.894.737	-
	13.859.269.801	-	13.762.525.330	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.334.200.000	40.496.382.714	18.717.128.728	23.634.528.632	84.182.240.074
Số dư cuối kỳ	1.334.200.000	40.496.382.714	18.717.128.728	23.634.528.632	84.182.240.074
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.062.728.435	28.090.262.814	16.375.214.258	19.902.034.620	65.430.240.127
- Khấu hao trong kỳ	93.811.194	1.655.751.148	803.096.907	1.088.479.492	3.641.138.741
Số dư cuối kỳ	1.156.539.629	29.746.013.962	17.178.311.165	20.990.514.112	69.071.378.868
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	271.471.565	12.406.119.900	2.341.914.470	3.732.494.012	18.751.999.947
Tại ngày cuối kỳ	177.660.371	10.750.368.752	1.538.817.563	2.644.014.520	15.110.861.206

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 40.639.353.615 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2021 lần lượt là 2.288.155.290 đồng và 2.227.450.758 đồng. Khấu hao trong kỳ là 24.229.698 đồng. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.045.858.290 đồng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*)	23.177.920.230	23.491.842.400
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.129.462.973	1.607.572.760
	24.307.383.203	25.099.415.160

(*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 đồng. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
General Electric	174.909.903.158	174.909.903.158	174.909.903.158	174.909.903.158
Global Parts and				
Phải trả các đối tượng khác	3.383.082.870	3.383.082.870	9.194.372.200	9.194.372.200
	178.292.986.028	178.292.986.028	184.104.275.358	184.104.275.358

(*) Tại 30/06/2021, số dư phải trả General Electric Global Parts and Products GMBH bao gồm 172,4 tỷ đồng tương đương với 6.651.961 EUR (tại 31/12/2020: 172,4 tỷ đồng tương đương với 6.651.961 EUR) liên quan đến hợp đồng cung cấp vật tư thế hệ MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Công ty đang thực hiện các thủ tục bàn giao vật tư buy back liên quan đến hợp đồng nêu trên và khoản phải trả trên sẽ được quyết toán và bù trừ với khoản phải thu Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch. (xem thông tin tại thuyết minh số 5).

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	49.466.276.435
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	281.226.600	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	294.315.000	294.315.000
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 1	2.152.955.819	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	3.019.796.832	1.702.977.088
	5.748.294.251	51.463.568.523
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)	4.443.300.840	49.760.591.435

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	5.269.817.731	8.591.440.371	11.293.974.707	-	2.567.283.395
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.000.774.591	1.632.518.293	3.788.789.824	-	844.503.060
Thuế Thu nhập cá nhân	-	537.804.988	2.010.709.287	2.336.532.589	-	211.981.686
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	-	8.808.397.310	12.239.667.951	17.424.297.120	-	3.623.768.141

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Trích trước chi phí đào tạo tay nghề	-	804.883.430
- Trích trước chi phí du lịch	539.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	273.955.000	238.453.421
	<u>812.955.000</u>	<u>1.043.336.851</u>

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	258.672.656	272.078.599
- Bảo hiểm xã hội	30.862.515	57.837.209
- Bảo hiểm y tế	11.210.075	62.465.578
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.652.844	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.750.000	9.750.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.015.109.855	517.736.355
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.256.903.048	5.717.087.210
	<u>21.589.160.993</u>	<u>6.636.954.951</u>
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)</i>	<u>17.015.109.855</u>	<u>517.736.355</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000		20.686.994.576	15.016.006.769	185.703.001.345	
Lãi trong kỳ trước	-		-	5.621.046.211	5.621.046.211	
Phân phối lợi nhuận	-		-	(14.058.456.396)	(14.058.456.396)	
Số dư cuối kỳ trước	150.000.000.000		20.686.994.576	6.578.596.584	177.265.591.160	
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000		20.686.994.576	20.696.227.047	191.383.221.623	
Lãi trong kỳ này	-		-	6.402.250.664	6.402.250.664	
Phân phối lợi nhuận	-		-	(20.623.674.716)	(20.623.674.716)	
Số dư cuối kỳ này	150.000.000.000		20.686.994.576	6.474.802.995	177.161.797.571	

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 75/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 23/04/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Số tiền
VND
4.123.674.716
16.500.000.000

Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi trả cổ tức (bằng 11% vốn điều lệ)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu kỳ		Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)	
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	76.500.000.000	51,00%	76.500.000.000	51,00%	51,00%
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18,00%	27.000.000.000	18,00%	18,00%
Các cổ đông khác	46.500.000.000	31,00%	46.500.000.000	31,00%	31,00%
	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
- Vốn góp cuối kỳ	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	517.736.355	10.138.734.792
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	16.500.000.000	11.250.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	16.500.000.000	11.250.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(2.626.500)	(9.653.744.364)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	<u>(2.626.500)</u>	<u>(9.653.744.364)</u>
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<u>17.015.109.855</u>	<u>11.734.990.428</u>
d) Cổ phiếu		
	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	20.686.994.576	20.686.994.576
	<u>20.686.994.576</u>	<u>20.686.994.576</u>

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1,49	1,49
- Đồng Euro (EUR)	1.032,08	1.065,02

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

18 . TỔNG DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	98.579.435.754	88.926.120.113
	98.579.435.754	88.926.120.113
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)	89.091.572.848	81.544.585.159

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	74.200.360.863	63.869.078.807
	74.200.360.863	63.869.078.807

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	471.858.570	569.472.626
	471.858.570	569.472.626

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	771.451.269	863.915.061
Chi phí nhân công	11.266.200.844	12.545.912.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	487.553.403	640.125.922
Thuế, phí, lệ phí	44.212.761	30.008.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.797.239.909	2.807.440.412
Chi phí khác bằng tiền	1.428.285.811	1.602.537.318
	16.794.943.997	18.489.940.134

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.034.768.957	7.052.439.972
Các khoản điều chỉnh tăng	127.822.507	104.528.831
- Chi phí không hợp lệ	127.822.507	104.528.831
Thu nhập chịu thuế TNDN	8.162.591.464	7.156.968.803
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.632.518.293	1.431.393.761
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	3.000.774.591	1.291.344.677
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(3.788.789.824)	(1.883.454.415)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	844.503.060	839.284.023

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 (Đã điều chỉnh) VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	6.402.250.664	5.621.046.211
Các khoản điều chỉnh:	(1.280.450.133)	(1.124.209.242)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	(1.280.450.133)	(1.124.209.242)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.121.800.531	4.496.836.969
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	341	300

(*) Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 bằng 20% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 23 tháng 04 năm 2021.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.294.019.345	1.982.251.428
Chi phí nhân công	58.350.546.351	64.433.428.956
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.665.368.439	4.984.607.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.893.091.929	4.899.946.977
Chi phí khác bằng tiền	17.821.406.167	12.889.904.925
91.024.432.231	91.024.432.231	89.190.140.089

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 1 (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1 (trực thuộc PVN)	Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrink	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.091.572.848	81.544.585.159
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	32.982.555.282	31.131.585.726
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	10.291.540.993	13.531.487.118
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	22.250.395.440	36.308.505.038
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	20.567.076.327	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrink	3.000.004.806	573.007.277
Mua hàng hóa dịch vụ	99.156.848	263.197.161
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	42.250.000	169.000.000
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	56.906.848	94.197.161
Trả cổ tức cho cổ đông	2.626.500	9.653.744.364
Các cổ đông của Công ty	2.626.500	9.653.744.364

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng	256.391.136.936	357.385.617.570
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	189.051.810.334	188.865.752.386
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	60.100.768.887	136.778.483.483
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	-	9.954.476.572
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	7.044.722.792	21.593.070.206
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrink	31.515.400	31.515.400
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	162.319.523	162.319.523
Phải thu khác	21.276.734.036	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (*)	5.843.210.152	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (*)	11.741.204.654	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (*)	3.692.319.230	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán (tiếp theo):

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Người mua trả tiền trước	4.443.300.840	49.760.591.435
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	49.466.276.435
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
BQLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	281.226.600	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 1	2.152.955.819	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	730.552.421	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	984.251.000	-
Cổ tức phải trả	17.015.109.855	517.736.355
Các cổ đông của Công ty	17.015.109.855	517.736.355

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	548.437.758	361.964.675
Bùi Duy Nhị	18.000.000	4.142.857
Vũ Huy Quang	18.000.000	4.142.857
Phạm Đức Nghĩa	(*)	(*)
Vũ Anh Tuấn	18.000.000	285.933.232
Mã Ngọc Kỳ		

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Ban Giám đốc như chi tiết bên dưới.

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	548.437.758	361.964.675
Vũ Anh Tuấn	116.166.727	-
Phan Xuân Thắng	419.065.213	276.933.924
Vũ Quang Dũng	419.065.213	276.426.969
Phùng Văn Đức		

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.




Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập



Lê Đình Thái
Kế toán trưởng




Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021